TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/HS-ST
Ngày: 29 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Đang.

Bà Đinh Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa*:** bà Phạm Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2023/TLST - HS ngày 30/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST - HS, ngày 15 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1/ Vũ Thị H1, sinh ngày 07/01/1965 tại huyện V, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: tổ 10B, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn 7/10; Con ông Vũ Đình H (đã chết) và con bà Phạm Thị Y; Bị cáo có chồng và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 90/2023/HSST - LCĐKNCT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp (có mặt).

2/ Phạm Văn H2, sinh ngày 23/02/1958 tại huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ 10B, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn 7/10; Không xác định được bố là ai; Con bà Phạm Thị T (đã chết); Bị cáo có vợ và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 91/2023/HSST - LCĐKNCT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp (có mặt).

2/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Nguyễn Thị Thái H3, sinh năm 1987; Nơi cư trú: thôn Tr, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị H1 có chồng là Phạm Văn H2 và chị Nguyễn Thị Thái H3, có mối quan hệ quen biết nhau. Vào khoảng tháng 3/2020 do cần tiền để giải quyết công việc cá nhân, chị H3 đặt vấn đề với Vũ Thị H1 để hỏi vay tiền. Nghe chị H3 nói vậy thì H1 nảy sinh việc cho chị H3 vay tiền với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày *(tương đương với lãi suất 182,5%/năm gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm)* và chị H3 đồng ý với mức lãi suất vay như trên. Từ ngày 04/3/2020 đến ngày 15/6/2021, Vũ Thị H1 đã 4 lần cho chị Nguyễn Thị Thái H3 vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 04/3/2020, chị H3 đến nhà H1 hỏi vay số tiền 156.000.000 đồng, H1 đồng ý. H1 và chị H3 thỏa thuận mức lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tính cả ngày cho vay). Thỏa thuận xong, H1 đưa cho chị H3 156.000.000 đồng tiền mặt, rồi H1 bảo chồng là Phạm Văn H2 ghi vào quyển sổ có bìa màu đen với nội dung: *Ngày mùng 4 tháng 3 năm 2020 (dương lịch) cháu H3 vay tổng là 156.000.000đ (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn)* nhưng không ghi mức lãi suất cho vay vì biết mức lãi suất cho vay theo ngày là cao nên không ghi vào sổ, sau đó đưa cuốn sổ cho chị H3 ghi nội dung: *Cháu nhận số tiền này* và ký tên phía dưới. Đến ngày 28/3/2020 và ngày 31/3/2020, do cần tiền để giải quyết công việc chị H3 tiếp tục hỏi vay H1 4.000.000 đồng cùng mức 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tiền lãi tính theo ngày (tính cả ngày cho vay), H1 đồng ý và giao tiền cho chị H3 cả hai lần tại bàn xổ số của chị H3. Sau khi giao tiền cho chị H3 xong, H1 về nhà viết tiếp nội dung chị H3 vay tiền ngày 28/3/2020 và ngày 31/3/2020 vào cùng trang giấy của quyển sổ màu đen đã viết cho chị H3 vay số tiền 156.000.000 đồng vào ngày 04/3/2020 để theo dõi. Ngày 07/4/2020 chị H3 đến nhà H1, H2 thanh toán tiền lãi. H1 và chị H3 cùng tính tiền lãi của cả 3 khoản vay trên đến ngày 7/4/2020 với tổng số tiền là 27.680.000 đồng. Sau khi tính xong tiền lãi đến ngày 7/4/2020 H1 đọc cho H2 ghi tiền lãi của từng khoản vào trang giấy trắng trong cuốn sổ có bìa màu đen trước đó H1 dùng ghi các lần cho H3 vay tiền để theo dõi rồi nhận của chị H3 số tiền 27.680.000 đồng. Ngày 02/5/2020, do tiếp tục cần tiền để giải quyết công việc, chị H3 tiếp tục hỏi vay H1 số tiền 4.000.000 đồng, H1 đồng ý cho chị H3 vay với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tiền lãi tính theo ngày (tính cả ngày cho vay) và giao tiền cho chị H3 tại bàn xổ số của chị H3. Sau khi giao tiền cho chị H3, H1 về ghi chép việc cho chị H3 vay tiền vào cùng trang sổ với những lần vay trước đó để theo dõi.

Trong quá trình thực hiện 4 khoản vay trên, từ ngày 07/4/2020 đến ngày 15/6/2021 chị H3 đã nhiều lần trả tiền lãi, đến ngày 08/01/2021 đã trả tiền lãi cho cho H1 được 24.775.000 đồng (tiền lãi được tính đến hết ngày 7/5/2020), trong đó tiền lãi của khoản vay 156.000.000 đồng ngày 4/3/2020 là 23.400.000, tổng tiền lãi của các khoản vay 4.000.000 đồng vào các ngày 28/3/2020; 31/3/2020 và 02/5/2020 là 1.375.000 đồng, tiền gốc chưa trả.

Từ đầu năm 2021, chị H3 không trả tiền lãi cho vợ chồng H1, H2 thì H1 và H2 đã nhiều lần nhắc chị H3 trả tiền lãi. Đến ngày 15/6/2021, chị H3 đến nhà gặp nói chuyện với H1, H2 và chị H3 xin H1, H2 cho chị H3 thêm một thời gian chị H3 đi làm có tiền trả lãi cho H1 và H2, nghe vậy thì H1 nói với chị H3 là: "*Cháu*

làm ăn được cháu trả tiền cho cô chú và trả bằng lãi ngân hàng cho vợ chồng cô đỡ thiệt" và thống nhất từ ngày 15/6/2021 đối với 04 khoản tiền H1 và H2 đã cho chị H3 vay tổng là 168.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày chuyển sang khoản vay mới với mức lãi suất là 10,5%/năm.

Như vậy, đối với khoản vay 4.000.000 đồng ngày 28/3/2020 đến ngày 15/6/2021 (ngày chuyển sang khoản vay với lãi suất 10,5%/năm) tiền lãi theo thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày) là 8.900.000 đồng; Đối với khoản vay 4.000.000 đồng ngày 31/3/2020 đến ngày 15/6/2021 (ngày chuyển sang khoản vay với lãi xuất 10,5%/năm) tiền lãi theo thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày) là 8.840.000 đồng; Đối với khoản vay 4.000.000 đồng ngày 02/5/2020 đến ngày 15/6/2021 (ngày chuyển sang khoản vay với lãi xuất 10,5%/năm) tiền lãi theo thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày) là 8.200.000 đồng. Cả 3 khoản vay trên tính đến ngày 15/5/2023 (ngày cơ quan điều tra phát hiện) đã hết thời hạn xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với khoản vay 156.000.000 đồng ngày 04/3/2020 tính đến ngày 15/6/2021 (ngày H1, H2 và chị H3 thỏa thuận chuyển thành khoản vay mới với mức lãi suất 10,5%/năm). Chị H3 đã trả lãi cho H1 đến ngày 07/5/2020 (65 ngày) tổng số tiền 50.700.000 đồng (trả ngày 07/4/2020 là 27.300.000 đồng, những ngày sau đó trả được 23.400.000 đồng). Hiện tại tiền lãi từ ngày 07/5/2020 đến ngày 15/6/2021 và tiền gốc chưa trả. Căn cứ Nghị quyết số 01/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao đối với khoản vay trên: Số tiền lãi theo thỏa thuận, tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự; tiền nhằm thu lời bất chính và tiền thực tế thu lời bất chính của H1 và H2 là:

- Số tiền lãi theo thỏa thuận: đối với khoản vay 156.000.000 đồng ngày 04/3/2020 (bắt đầu tính lãi từ ngày vay) mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Tính đến ngày 15/6/2021 là 469 ngày. Như vậy số tiền lãi H1 và H2 nhằm chiếm hưởng là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày 156.000.000 đồng x 469 ngày = ***365.820.000 đồng.***

- Tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự:

Đối với khoản vay 156.000.000 đồng từ ngày 04/3/2020 đến ngày 15/6/2021 ngày thực tế là 468 ngày, tiền lãi theo pháp luật H3 phải trả cho H1 và H2 là: 156.000.000 đồng x 20% : 365 ngày x 468 ngày = ***40.004.384 đồng***

Tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự thực tế H1, H2 đã thu được của chị H3 từ 04/3/2020 đến 07/5/2020 theo ngày thực tế là 64 là 156.000.000 đồng x 20%:365 ngày x 64 ngày = 5.470.685 đồng.

- Tiền lãi nhằm thu lợi bất chính: là 365.820.000 đồng – 40.004.384 đồng = ***325.815.616 đồng;***

- Tiền lãi thực tế đã thu lời bất chính**:** *là* 50.700.000 đồng – 5.470.685 đồng = 45.229.315 đồng.

Nhận thấy việc cho vay lãi nặng của Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 là vi phạm pháp luật, ngày 15/5/2023, chị Nguyễn Thị Thái H3 làm đơn trình báo với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T. Ngày 16/5/2023, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T làm việc với Vũ Thị H1, H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và tự giao nộp 01 quyển sổ có bìa màu đen, có

chữ "Quovadis **C-K7" (** là ký tự không đọc được) ở mặt trước, kích thước (20,7 x 15) cm, gồm 146 trang không kể bìa.

Ngày 12/9/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T ra quyết định trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định: 01 quyển sổ bìa màu đen gồm 146 trang không kể bìa, kích thước (20,7 x 15) cm, mặt trước có chữ "Quovadis **C-K7" (** là ký tự không đọc được ý hiệu A). 02 bản tự khai ngày 16/5/2023 (ký hiệu là M1, M2), 01 bản tự khai ngày 28/6/2023 (ký hiệu là M3) do Phạm Văn H2 viết tay, ký. 01 đơn trình báo ngày 15/5/2023 (ký hiệu là M4), 01 bản tự khai ngày 15/5/2023 (ký hiệu là M5), 01 bản tự khai ngày 02/7/2023 (ký hiệu là M6) do Nguyễn Thị Thái H3 viết tay, ký; 02 bản tự khai ngày 16/5/2023 (ký hiệu là M7, M8), 02 bản tự khai ngày 07/6/2023 (ký hiệu là M9, M10) do Vũ Thị H1 viết tay, ký.

Tại bản kết luận giám định số 848/KL-KTHS-TL, ngày 30/10/2023, phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

1. Chữ viết, chữ số: *"Ngày mùng 4 tháng 3 năm 20** (dương lịch)- 2020 - Cháu H3 vay tổng là 156.000.000 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn)"* từ dòng 1 đến dòng 4 tính từ trên xuống, trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (** là ký tự bị gạch xóa không đọc được nội dung) so với chữ viết, chữ số của Phạm Văn H2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1đến M3 là do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký dạng không đọc được tại dòng 6 và chữ viết "*Cháu nhận số tiền này*" tại dòng 5 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Thái H3 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M6 là do cùng 1 người ký, viết ra.

3. Chữ viết, chữ số "*28/3 H3 vay 4.000.000 đồng - 31/3 H3 vay 4.000.000* đồng - *2/5 H3 vay 4.000.000 đồng*" tại dòng 7,8,9 trang 1; chữ số, chữ viết tại các trang 3, 5, 6, 9 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ số của Vũ Thị H1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M10 là do cùng một người viết ra.

Ngày 17/5/2023, cơ quan điều tra tiến hành làm việc với chị H3, chị H3 giao nộp 01 tờ giấy có nội dung H1 đọc cho H2 ghi tính tiền lãi chị H3 phải trả cho H1 vào ngày 7/4/2020, do chị H3 đã chụp được bằng điện thoại và in ra 01 tờ giấy A4 giao nộp để phục vụ điều tra.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 thừa nhận hành vi cho chị H3 vay tiền với lãi suất vượt quá quy định của pháp luật nhằm thu lợi bất chính nội dung sự việc đúng như bản cáo trạng đã nêu.

Tại bản Cáo trạng số 95/CT-VKS - TPTĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 ra trước Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp để xét xử về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2, Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp vẫn giữ nguyên bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 khoản 1 và khoản 2, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị H1.

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, khoản 1 và khoản 2, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H2.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị H1 từ **06** tháng đến **09** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ **12** tháng đến **18** kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H2 từ **03** tháng đến **06** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Thị H1 và bị cáo Phạm Văn H2 mỗi bị cáo từ **30.000.000đ** đến **40.000.000đ** để nộp ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình là nơi các bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Buộc bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 phải nộp lại số tiền 5.470.685 đồng là tiền do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 đã nộp số tiền 5.470.685 đồng do phạm tội mà có để sung nộp ngân sách nhà nước theo biên lai thu tiền số 0000901 ngày 01/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Thái H3 phải nộp khoản tiền 156.000.000 đồng (có được do vay của Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2) để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị H1 thừa nhận trong thời gian từ ngày 04/3/2020 đến ngày 15/6/2021, thông qua giao dịch cho vay tài sản, Vũ Thị H1 đã thỏa thuận cho chị Nguyễn Thị Thái H3 vay số tiền 156.000.000 đồng, với mức lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Mức lãi suất mà H1 thỏa thuận với chị Nguyễn Thị Thái H3 đã vượt gấp 9,125 lần mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nhằm mục đích thu lợi bất chính tổng số tiền là 325.815.616 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn H2 trình bày: bị cáo biết việc bị cáo H1 cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo không khuyên can mà cũng đồng tình để vợ bị cáo là Vũ Thị H1 cho H3 vay tiền với lãi suất cao, đồng thời bị cáo giúp bị cáo H1 ghi chép sổ sách, nội dung lãi suất các khoản vay và cùng H1 đi đòi tiền của chị Nguyễn Thị Thái H3.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi bị truy tố như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 tại phiên tòa và trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, sổ ghi nợ đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo như sau: từ ngày 04/3/2020 đến ngày 15/6/2021, tại tổ 10B, phường B, thành phố T, Vũ Thị H1 cho chị Nguyễn Thị Thái H3 vay tổng số tiền 156.000.000 đồng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự, nhằm thu lời bất chính tổng số tiền ***325.815.616 đồng***. Phạm Văn H2 biết Vũ Thị H1 cho chị Nguyễn Thị Thái H3 vay tiền đã giúp H1 ghi chép sổ sách nội dung lãi suất các khoản vay và cùng H1 đi đòi tiền lãi là đồng phạm với vai trò giúp sức

[2] Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" như sau:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế về hoạt động cho vay trong giao dịch dân sự được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 thực hiện hành vi với lỗi cố ý nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này có hai đối tượng tham gia nhưng mang tính đồng phạm giản đơn, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời xem xét đến vai trò đồng phạm của từng bị cáo để cá thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Thị H1 nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng nhằm mục đích tạo ra thu nhập bất chính bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bản thân Vũ Thị H1 là người chủ động cho vay và thỏa thuận việc tính lãi và thu tiền lãi. Do đó về trách nhiệm hình sự của bị cáo H1 cao hơn so với bị cáo H2 là phù hợp.

Đối với bị cáo Phạm Văn H2, biết rõ việc bị cáo H1 cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính, bị cáo không khuyên can bị cáo H1 mà lại đồng tình

cùng bị cáo H1. Do vậy bị cáo H2 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của bị cáo với vai trò là đồng phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Vũ Thị H1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố thành khẩn khai báo, có chồng là Phạm Văn H2 được tặng thưởng huân chương, huy hiệu, kỷ niệm chương, đã trả lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính cho chị H3 nên H1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Phạm Văn H2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố thành khẩn khai báo, bản thân có nhiều thành tích được tặng thưởng huân chương, huy hiệu, kỷ niệm chương nên H2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s và v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2, căn cứ Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình Sự. Do vậy Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp đủ để giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: căn cứ khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm". Do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 quyển sổ bìa màu đen gồm 146 trang không kể bìa, kích thước (20,7 x 15) cm, mặt trước có chữ "Quovadis **C-K7", do Vũ Thị Hạnh giao nộp là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 vì vậy được lưu tại hồ sơ làm căn cứ giải quyết vụ án.

[7] Đối với số tiền sử dụng vào việc phạm tội

Đối với số tiền 156.000.000 đồng là tiền của Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 dùng cho vay lãi nặng là công cụ, phương tiện phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

- Đối với khoản tiền gốc 156.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Thái H3 chưa trả cho các bị cáo cần buộc chị H3 nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[8] Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

Số tiền 5.470.685 đồng tương ứng tiền lãi mức 20%/năm do Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 đã thu được từ việc cho chị Nguyễn Thị Thái H vay tiền, đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước. Bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 đã nộp lại số tiền này theo biên lai thu tiền số 0000901 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

[9] Đối với các khoản tiền các bị cáo thu lời bất chính 45.229.135 đồng.

Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 cho vay với lãi suất vượt quá mức quy định của pháp luật để thu lời bất chính là khoản tiền bị cáo chiếm đoạt bất hợp pháp nên cần buộc các bị cáo có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lời bất chính cho chị Nguyễn Thị Thái H3. Tuy nhiên chị Nguyễn Thị Thái H3 đã nhận lại số tiền này, không yêu cầu vấn đề gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các khoản vay 4.000.000đ từ ngày 28/3/2020, khoản vay 4.000.000đ từ ngày 31/3/2020 và khoản vay 4.000.000đ ngày 02/5/2020 đến ngày 15/6/2021 (ngày kết thúc việc cho vay với mức lãi suất 182,5%, gấp 9,125 lần mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự) nhằm thu lời bất chính tổng số tiền 23.103.837 đồng. Tính đến ngày 15/6/2021đã được chuyển sang khoản vay với mức lãi suất ngân hàng. Vì vậy, đến ngày 15/5/2023 (ngày cơ quan Công an phát hiện) đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Về án phí: bị cáo Vũ Thị H1 bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn H2 bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định song bị cáo thuộc trường hợp người cao tuổi, tại phiên tòa bị cáo đề nghị xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Việc đề nghị của bị cáo là chính đáng do đó cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí cho bị cáo

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền

kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 khoản 1 và khoản 2, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vũ Thị H1.

- Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 201; điểm i, s và v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, khoản 1 và khoản 2, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Văn H2.

- Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 phạm tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Vũ Thị H1 **08** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **16** tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2023).

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H2 **04** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **12** tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2023).

Phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Thị H1 **32.000.000đ** để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn H2 **30.000.000đ** để nộp ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình là nơi các bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 156.000.000 đồng sử dụng vào việc phạm tội và 5.470.685 đồng do phạm tội mà có, cụ thể như sau:

- Buộc bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 phải nộp lại số tiền 5.470.685 đồng là tiền do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo Vũ Thị H1 và Phạm Văn H2 đã nộp số tiền 5.470.685 đồng do phạm tội mà có để

sung nộp ngân sách nhà nước theo biên lai thu tiền số 0000901 ngày 01/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Buộc chị Nguyễn Thị Thái H3 phải nộp lại số tiền 156.000.000 đồng đã vay của các bị cáo để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

4. Về án phí:

- Buộc bị cáo Vũ Thị H1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung nộp ngân sách Nhà nước.

Miễn 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn H2.

Án xử sơ thẩm các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- Sở tư pháp
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Cơ quan CSĐT và Cơ quan thi hành án hình sự TP. T;
- Chi cục THADS TP. T
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ.VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú